TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PHỦ LÝ** **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2021/HNGĐ-ST.

Ngày 23 - 8 - 2021.

V/v: "Ly hôn, nuôi con chung".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ - TỈNH HÀ NAM

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Xuyên.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Đặng Văn Trữ và ông Nguyễn Việt Hùng.

***Thư ký phiên toà*:** Bà Đỗ Thị Nhung - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 79/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2021, về tranh chấp kiện "Ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2021/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Phạm Văn Đ, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Tổ dân phố QA, phường LH, thành phố PL, tỉnh Hà Nam.

Bị đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm 1986.

Địa chỉ: thôn M, xã TT, thành phố PL, tỉnh Hà Nam.

Phiên tòa có mặt anh Đ, vắng mặt chị T không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, lời khai và quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, nguyên đơn anh Phạm Văn Đ trình bày:

- Về hôn nhân: Anh Phạm Văn Đ và chị Trần Thị T lấy nhau có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào ngày 21/9/2017 tại Ủy ban nhân dân phường LH, thành phố PL, tỉnh Hà Nam sau thời gian tìm hiểu nhau được khoảng 06 tháng. Việc kết hôn cũng được gia đình hai bên tổ chức hỏi, cưới theo phong tục tại địa phương. Sau khi kết hôn, chị T về nhà anh Đ ở chỉ được khoảng một tháng thì vợ chồng anh chị có xảy ra mâu thuẫn cãi nhau nên chị T bỏ về nhà mẹ đẻ tại thôn M, xã TT sinh sống từ cuối tháng 10 năm 2017 và vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do khi về chung sống vợ chồng đã không hợp nhau về cách sống, quan điểm sống nên mới lấy nhau hai bên đã không thể có

tiếng nói chung. Khi sống ly thân, thời gian đầu có nhiều lần anh đã đến nhà mẹ chị T để vợ chồng nói chuyện với mong muốn vợ chồng về chung sống với nhau nhưng chị T không nghe, nên từ đó hai bên không quan tâm đến nhau và chấm dứt mọi quan hệ vợ chồng. Đến nay, anh xác định tình cảm anh dành cho chị T không còn nữa vì thời gian sống ly thân đã lâu, mâu thuẫn vợ chồng anh không thể khắc phục để duy trì mối quan hệ hôn nhân với nhau được nữa nên anh đề nghị giải quyết cho anh được ly hôn với chị Trần Thị T.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con gái chung duy nhất là cháu Phạm Thị Ngọc L, sinh ngày 13/7/2018 (con gái) đang do chị T nuôi dưỡng, chăm sóc. Từ khi chị T sinh con cho đến nay cháu Ngọc L ở với chị T rất thuận lợi cho việc ăn, ở cũng như sự phát triển của cháu. Mặt khác, mẹ chị T cũng hỗ trợ chăm sóc cháu khi chị T đi làm. Vì vậy, khi ly hôn anh đề nghị giao con chung cho chị T nuôi dưỡng và anh sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T mỗi tháng là 1.000.000đ (Một triệu đồng), cho đến khi cháu Phạm Thị Ngọc L trưởng thành. Con riêng, con nuôi: Vợ chồng không có nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và công nợ chung: Vợ chồng không có nên anh không đề nghị giải quyết.

* Bị đơn chị Trần Thị T đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án, các giấy triệu tập và các văn bản tố tụng rất nhiều lần nhưng không chấp hành giấy triệu tập và các văn bản tố tụng của Tòa án, do vậy không có quan điểm của chị T.

* Quan điểm của bà Nguyễn Thị T (mẹ đẻ chị T): Chị Trần Thị T đi làm may ở Công ty, nên hết giờ làm việc trong ngày chị T mới về. Chị T và anh Đ kết hôn vào khoảng tháng 9 năm 2017, sau khi kết hôn vợ chồng có nhiều bất đồng nên không ở được với nhau, khoảng một tháng sau khi kết hôn chị T quay về ở với bà tại thôn M, xã TT, thành phố PLvà vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng chị T không hề qua lại quan tâm đến nhau. Việc Tòa án thụ lý vụ án ly hôn chị T đã biết vì qua Thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập Tòa án gửi đến bà đều đưa cho chị T, tuy nhiên chị T đi làm nên không muốn nghỉ để đến Tòa. Theo bà, quan điểm của chị T là cũng nhất trí ly hôn. Về con thì chị T và anh Đ có một con gái chung là cháu Phạm Thị Ngọc L sinh ngày 13 tháng 7 năm 2018 do chị T và gia đình bà nuôi dưỡng từ khi sinh ra đến nay chứ anh Đ và gia đình anh Đ không có trách nhiệm gì, hiện nay chị T không có thai nghén gì. Về tài sản và công nợ: Theo bà vợ chồng chị T không có tài sản chung và công nợ chung.

* Quan điểm của chính quyền địa phương: Chị T và anh Đ sau khi kết hôn sống với nhau một thời gian rất ngắn thì mỗi người ở mỗi nơi, việc vợ chồng anh Đ đoàn tụ với nhau là rất khó, nay anh Đ có đơn xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết cho anh Đ và chị T ly hôn. Về con chung thì anh Đ và chị T có một con chung do chị T nuôi dưỡng. Khi giải quyết ly hôn đề nghị Tòa án xem xét nguyện vọng của các bên đương sự và điều kiện nuôi dưỡng con chung để đảm bảo sự phát triển của cháu nhỏ.

Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay:

* Anh Phạm Văn Đ vẫn giữ nguyên quan điểm: Về hôn nhân anh xin ly hôn với chị Trần Thị T. Về con chung: Anh đề nghị giao con chung cho chị T nuôi dưỡng và anh sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T mỗi tháng là 1.000.000đ (một triệu đồng), cho đến khi cháu Phạm Thị Ngọc L trưởng thành đủ 18 tuổi. Các vấn đề khác anh không đề nghị giải quyết.

* Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng; ý kiến về việc giải quyết vụ án.

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn như: thụ lý, giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục trong giai đoạn chuẩn bị xét xử.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, cụ thể chị Trần Thị T không chấp hành tham gia các buổi triệu tập, tham gia phiên họp, phiên tòa.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định:

Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 68, 144, 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Văn Đ.

- Về hôn nhân: Xử ly hôn giữa anh Phạm Văn Đ và chị Trần Thị T.

- Về con chung: Giao chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phạm Thị Ngọc L. Anh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T mỗi tháng là 1.000.000đ cho đến khi cháu L trưởng thành đủ 18 tuổi.

- Về án phí: Anh Đ phải chịu án phí ly hôn 300.000đ và án phí cấp dưỡng 300.000đ, được đối trừ với số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn chị Trần Thị T có nơi cư trú tại thôn M, xã TT, thành phố PL, tỉnh Hà Nam. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án "Tranh chấp kiện ly hôn, nuôi con chung" giữa anh Phạm Văn Đ và chị Trần Thị T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự tại phiên tòa: Bị đơn chị Trần Thị T đã nhận được các văn bản tố tụng và giấy triệu tập nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên việc xét xử vắng mặt bị đơn tại phiên tòa được thực hiện theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa anh Phạm Văn Đ và chị Trần Thị T là hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn vào ngày 21/9/2017 tại Ủy ban nhân dân phường Lam Hạ, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam, nên đã thỏa mãn các điều kiện, trình tự thủ tục kết hôn được Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 bảo vệ.

Xét yêu cầu xin ly hôn của anh Phạm Văn Đ, Hội đồng xét xử thấy rằng: Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chung sống thời gian rất ngắn (khoảng 01 tháng) đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là bất đồng về quan điểm sống và vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2017 đến nay. Từ khi sống ly thân đến nay, vợ chồng không ai quan tâm đến ai và cũng không đưa ra được giải pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay anh Đ xác định tình cảm dành cho chị T không còn nữa và đề nghị giải quyết cho anh được ly hôn với chị T. Tòa án đã triệu tập chị T nhiều lần và tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhưng chị T không chấp hành và cũng không có quan điểm gì cả, chứng tỏ chị T cũng không muốn duy trì mối quan hệ hôn nhân với anh Đ. Xét thấy, cuộc hôn nhân của vợ chồng anh Đ, chị T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, việc giải quyết ly hôn là giải pháp để giải phóng cho nhau, nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Phạm Văn Đ là phù hợp với thực tế và pháp luật được quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Phạm Thị Ngọc L, sinh ngày 13/7/2018 (con gái). Từ nhỏ đến nay cháu L đều do chị T nuôi dưỡng chăm sóc. Xét nguyện vọng và đề nghị của anh Phạm Văn Đ cũng như thực tế chị T đang nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Phạm Thị Ngọc L. Hội đồng xét xử thấy để tránh ảnh hưởng đến sự phát triển ổn định của con chung vợ chồng anh chị, cần giao cháu Phạm Thị Ngọc L cho chị T nuôi dưỡng và anh Đ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng T mỗi tháng 1.000.000đ, cho đến khi cháu Phạm Thị Ngọc L trưởng thành đủ 18 tuổi là phù hợp với thực tế và pháp luật cũng như nguyện vọng của anh Đ được quy định tại các Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về tài sản chung và công nợ chung: Anh Đ không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh Đ phải nộp theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự thực hiện quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Căn cứ các Điều 51; 56; 58; 81; 82; 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[1] Xử ly hôn giữa: Anh Phạm Văn Đ và chị Trần Thị T.

[2] Về con chung: Giao chị Trần Thị T được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Phạm Thị Ngọc L, sinh ngày 13/7/2018 (con gái). Anh Phạm Văn Đ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Trần Thị T mỗi tháng là 1.000.000đ (một triệu đồng), kể từ tháng 9 năm 2021, cho đến khi cháu Phạm Thị Ngọc L trưởng thành đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[3] Về án phí:

- Án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Phạm Văn Đ phải nộp 300.000 đồng.

- Án phí cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Phạm Văn Đ phải nộp 300.000 đồng.

Anh Phạm Văn Đ được đối trừ với số tiền 300.000 đồng mà anh đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2015/0004810 ngày 15/6/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam. Anh Phạm Văn Đ còn phải nộp tiếp 300.000 đồng.

[4] Về quyền kháng cáo: Anh Phạm Văn Đ có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Trần Thị T vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Nam;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- VKSND thành phố Phủ Lý;
- Chi cục THADS thành phố Phủ Lý;
- UBND phường Lam Hạ, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Xuyên